

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN E

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 49/2019/DS-ST

Ngày: 30/8/2019

“V/v: *Kiện tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ksor Y Nai.

2. Ông Võ Ánh Sửu.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Năng Quân - Cán bộ Toà án nhân dân huyện E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Ông Phạm Công Hà - Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 8 năm 2019. Tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2019/TLST-DS, ngày 17/6/2019 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐST-DS, ngày 25/7/2019 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2019/QĐST-DS, ngày 12/8/2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1957. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Kim A, sinh năm 1974; Có mặt; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1978, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày:***

Vợ chồng ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H có vay của bà T số tiền 182.000.000 đồng gồm các lần như sau: ngày 18/2/2017 âm lịch vay số tiền 87.000.000 đồng, hạn đến ngày 18/02/2018 trả; ngày 18/02/2019 vay số tiền 95.000.000 đồng, hạn đến ngày 08/5/2019 trả. Tất cả các lần vay nói trên hai bên đều

viết giấy tờ vay có chữ ký của bà Hồng ông A, mục đích vay là để ông A bà H đầu tư chăm sóc vườn rẫy. Khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất nhưng quá trình từ khi vay đến nay bà H ông A có đưa cho bà T được 18.000.000 đồng tiền lãi suất. Đến nay, mặc dù đã quá hạn trả nợ nhưng bà H ông A chưa trả nợ cho bà T nên bà T khởi kiện đòi số nợ 182.000.000 đồng, về lãi suất bà T đề nghị nếu được thì tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp, bà T đã cung cấp cho Tòa án 02 vay mượn tiền (*bản gốc*). Ngoài ra, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Ngày 18/2/2017 âm lịch ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H vay của bà Nguyễn Thị Ánh T số tiền 87.000.000 đồng, hạn đến ngày 18/02/2018 trả. Hai bên có viết giấy tờ vay có chữ ký của ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H, mục đích vay là để ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H đầu tư chăm sóc rẫy. Hiện nay, do kinh tế khó khăn nên ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H chưa trả được số tiền đã vay cho bà T mà trước đó đã trả được 18.000.000 đồng lãi suất. Đối với số nợ, ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H đề nghị được trả dần.

Đối với số tiền 95.000.000 đồng trong giấy vay nợ ghi ngày 18/02/2019 mà bà T cho rằng ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H vay của bà T, hạn đến ngày 08/5/2019 trả, thực tế đây là lãi suất của số tiền 87.000.000 đồng nêu trên. Ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H không vay số tiền này, giấy vay tiền do bà T cung cấp cho Tòa án có chữ ký của bà H ông A là do bà T soạn thảo trước rồi đưa cho ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H ký, do không đọc kỹ nội dung nên ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H ký đã vào giấy này. Do đây là tiền lãi suất nên ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H đề nghị không phải trả cho bà T.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về vụ án:

[1]. **Về tố tụng:** Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2]. **Về nội dung:** Áp dụng các Điều 119, 463, 466 Bộ luật dân sự. Xét thấy, việc ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H ký kết hợp đồng vay 87.000.000 đồng ngày 18/02/2017 của bà T là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, nên cần chấp nhận hợp đồng. Đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng ông A bà H chưa thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên cần buộc ông A bà H trả cho bà T 87.000.000 đồng.

Đối với số tiền vay 95.000.000 đồng ghi trong giấy vay tiền ngày ngày 18/02/2019, ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H thừa nhận chữ ký trong giấy này là của mình, nhưng cho rằng đây là tiền lãi suất của số tiền đã vay là 87.000.000 đồng. Việc ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H ký vào giấy này là do không đọc kỹ nội dung của giấy nên mới ký vào giấy.

Đối với phần trình bày của ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H không có căn cứ chứng minh cho rằng đây là lãi suất vì nội dung trong giấy vay mượn tiền thể hiện là ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H vay số tiền 95.000.000 đồng, nên cần bác phần trình bày của ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H. Buộc ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà T số nợ 95.000.000 đồng.

Đối với phần trình bày của bà T và ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H cho rằng đã trả cho bà T được 18.000.000 đồng lãi suất nhưng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đối với phần trình bày của bà T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nếu có thể thì tính lãi suất số tiền đã vay theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên yêu cầu này vượt quá nội dung đơn khởi kiện nên không có căn cứ giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Việc Tòa án xác định là đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” và thụ ý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T cho rằng ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H vay tiền của bà T tổng cộng hai lần với tổng số tiền là 182.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 18/02/2017 âm lịch vay số tiền 87.000.000 đồng, hạn đến ngày 18/02/2018 trả;

- Ngày 18/02/2019 vay số tiền 95.000.000 đồng, hạn đến ngày 08/5/2019 trả.

Tất cả các lần vay nói trên hai bên đều viết giấy tờ vay có chữ ký của ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H, mục đích vay là để ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H đầu tư chăm sóc rẫy. Tuy nhiên, đã quá hạn trả nợ nhưng ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H chưa trả nợ cho bà T nên bà T khởi kiện đòi số nợ 182.000.000 đồng.

[2]. Ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H thừa nhận ngày 18/02/2017 âm lịch vay của bà T vay số tiền 87.000.000 đồng, hạn đến ngày 18/02/2018 trả. Tuy nhiên, do kinh tế khó khăn nên chưa có điều kiện để trả nợ cho bà T.

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy, đối với giao dịch vay tiền này các bên đều tự nguyện và không trái pháp luật nên cần chấp nhận thỏa thuận. Đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H chưa trả cho bà T số tiền đã vay là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên cần buộc ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H trả cho bà T số nợ 87.000.000 đồng.

[4]. Đối với giấy vay mượn tiền đề ngày 18/02/2019 vay số tiền 95.000.000 đồng, hạn đến ngày 08/5/2019 trả thể hiện nội dung ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H vay của bà T số tiền 95.000.000 đồng. Ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H không thừa nhận là có vay bà T số tiền này, ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H thừa nhận có ký nhận trong giấy vay tiền nhưng do không đọc kỹ nội dung nên mới ký nhận. Mặc dù ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H cho rằng đây là lãi suất nhưng không có căn cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, vì nội dung của giấy vay nợ là vay số tiền 95.000.000 đồng. Do vậy cần buộc ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Tuyết số tiền 95.000.0000 đồng vay ngày 18/02/2019.

[5]. Đối với phần trình bày của ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H cho rằng đã trả cho bà T được 18.000.000 đồng lãi suất nhưng các bên đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6]. Đối với phần trình bày của bà T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nếu có thể thì tính lãi suất số tiền đã vay theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên yêu cầu này vượt quá nội dung đơn khởi kiện nên không có căn cứ giải quyết.

[7]. Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Áp dụng các Điều 26, 35 và 39 Bộ luật tố Tụng dân sự; các Điều 119, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

[2]. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh T. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị Ánh T 182.000.000 đồng;

[3]. Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Kim A bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 9.100.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Ánh T thuộc đối tượng người cao tuổi không phải nộp tạm ứng án phí nên không đề cập.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện E;

- *Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;*
- *Lưu hồ sơ.*

Nguyễn Thanh Long